

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG PT NĂNG KHIẾU
TĐTT BÌNH CHÁNH

(Biểu mẫu 11)

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất
Trường phổ thông năng khiếu TĐTT Bình Chánh
Năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	38	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	38	57.6-42
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	80-42
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	42/1	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	22.582	12,6/1
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5022	2.8/1
VI	Tổng diện tích các phòng	4855	2.72/1
1	Diện tích phòng học (m ²)	57,6	1,37/1
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	80	1.9/1
3	Diện tích thư viện (m ²)	280	6.67/1
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	450	10.71/1
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	76,8	1,82/1
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo	259	



	quy định		
1.1	Khối lớp 10	63	
1.2	Khối lớp 11	82	
1.3	Khối lớp 12	114	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	56	
2.1	Khối lớp 10	19	
2.2	Khối lớp 11	21	
2.3	Khối lớp 12	16	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	200	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	98	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	38	1/1
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	38	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	
5	Thiết bị khác...	3	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	25	1/1
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Bảng tương tác	2	
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp	1(200)	
XI	Nhà ăn	1(500)	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	18(1271,9)	695	1,83/1
XIII	Khu nội trú	2 (86,4)	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		7		0,7
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Bình Chánh, ngày 19 tháng 6 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thiện Đạo

